TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP
**CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ**
**TÂN SƠN NHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2024*

# THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Về việc: **"Thay thế 02 máy điều hòa nhiệt độ cassette AC-HL-05, AC-HL-06 công suất 47.800Btu/h cho hành lang ống lồng - tầng 1 ga Quốc nội"**

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP tổ chức mời chào giá rộng rãi hạng mục "Thay thế 02 máy điều hòa nhiệt độ cassette AC-HL-05, AC-HL-06 công suất 47.800Btu/h cho hành lang ống lồng - tầng 1 ga Quốc nội".

Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu và gửi Hồ sơ chào giá theo các yêu cầu sau đây:

**Yêu cầu về hồ sơ chào giá:**

- **Yêu cầu đối với hàng hóa:**

| Stt | Tên, quy cách hàng hóa, hiệu suất năng lượng, dịch vụ | Đvt | Số lượng |
|---|---|---|---|
| 1 | Máy điều hòa nhiệt độ loại cassette âm trần đa hướng thổi, loại inverter tiêu chuẩn<br>- Công suất lạnh 47.800Btu/h<br>- Điện áp dàn lạnh: 1 pha 220-240V, 50Hz<br>- Điện áp dàn nóng: 3 pha 380-415V, 50Hz<br>- Sử dụng môi chất lạnh: R32<br>- Hệ số COP: 2,38 kW/kW<br>- Hệ số CSPF: 4,10 kWh/kWh<br>- Lưu lượng gió dàn lạnh (cao/trung bình/thấp): 36/29/21 m3/phút.<br>- Cấp nguồn: dàn nóng (outdoor)<br>- Bao gồm: mặt nạ dàn lạnh loại tiêu chuẩn (màu trắng), remote điều khiển không dây<br>(Model: FCFC140DVM/RZFC140DY1, Mặt nạ BYCQ125EAF + Remote không dây BRC7F635F, nhãn hiệu Daikin hoặc tương đương) | bộ | 2 |
| 2 | Ống đồng 9.52x0.80x15m (15m/cuộn, hiệu LHCT) - hoặc tương đương | mét | 60 |
| 3 | Ống đồng 15.88x1.02x15m (15m/cuộn, hiệu LHCT) - hoặc tương đương | mét | 60 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 4 | Ống cách nhiệt ID15.9x25mmx2m (loại không xẻ rãnh, hiệu Thermobreak LS Sekisui hoặc tương đương) | ống | 27 |
| 5 | Ống cách nhiệt ID9.5x25mmx2m (loại không xẻ rãnh, hiệu Thermobreak LS Sekisui hoặc tương đương) | ống | 27 |
| 6 | Ống cách nhiệt ID26.7x10mmx2m (loại không xẻ rãnh, hiệu Thermobreak LS Sekisui hoặc tương đương) | ống | 2 |
| 7 | Băng keo nhôm 50m x50mm (hiệu Thermobreak LS Sekisui hoặc tương đương) | cuộn | 3 |
| 8 | Ống nhựa uPVC Ø27mm (4mét/cây, Bình Minh hoặc tương đương) | mét | 4 |
| 9 | Nối nhựa uPVC Ø27D (Bình Minh hoặc tương đương) | cái | 2 |
| 10 | Co nhựa 90 độ uPVC Ø27D (Bình Minh hoặc tương đương) | cái | 4 |
| 11 | Co nhựa 45 độ uPVC Ø27D (Bình Minh hoặc tương đương) | cái | 8 |
| 12 | Tê nhựa 45 độ uPVC Ø27D (Bình Minh hoặc tương đương) | cái | 2 |
| 13 | Keo dán ống nhựa (200gr/lon, Bình Minh hoặc tương đương) | lon | 1 |
| 14 | Sắt V50x50x5mm (mạ kẽm-3m/cây) | cây | 3 |
| 15 | Sắt U đục lỗ 41Wx41H (mạ kẽm-3m/cây) | cây | 2 |
| 16 | Que hàn sắt KOBE-16, 2.6x350mm (2,5kg/hộp) | hộp | 1 |
| 17 | Kẹp xà gồ PTT10 | cái | 30 |
| 18 | Ty treo ren suốt M10 (2mét/cây) | cây | 8 |
| 19 | Cùm treo ống Ø60 | cái | 30 |
| 20 | Cùm treo ống Ø49 | cái | 5 |
| 21 | Co ống đồng Ø9.5mm dày 0.8mm | cái | 7 |
| 22 | Co ống đồng Ø15.9mm dày 1mm | cái | 7 |
| 23 | Nối ống đồng Ø9.5mm dày 0.8mm (nối hàn) | cái | 4 |
| 24 | Nối ống đồng Ø15.9mm dày 1mm (nối hàn) | cái | 4 |
| 25 | Khớp nối ống đồng Loflink 3/8" + ống lót (hoặc Suhring), loại không hàn | cái | 4 |
| 26 | Khớp nối ống đồng Loflink 5/8" + ống lót (hoặc Suhring), loại không hàn | cái | 4 |
| 27 | Gas mini Inox Namilux (250g/lon) | lon | 3 |
| 28 | Keo Sikaflex PRO-3(600ml) | cây | 2 |
| 29 | Keo dán cách nhiệt Aeroseal (700gram/lon) | lon | 1 |
| 30 | Đai ốc M10 (tán M10) | cái | 100 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 31 | Vòng đệm M10 dày 2mm | cái | 100 |
| 32 | Bu lông mạ kẽm M10x40mm | cái | 10 |
| 33 | Găng tay bảo hộ phủ hạt nhựa | đôi | 10 |
| 34 | MCB 3P 16A 6kA - tiêu chuẩn IEC 60898-1 (Schneider) | cái | 2 |
| 35 | RCCB 4P 40A 30mA - tiêu chuẩn IEC 61008-1 (Schneider) | cái | 2 |
| 36 | Cáp CVV-4x4mm² - cáp đồng 4 lõi, 2 lớp cách điện PVC, cấp điện áp 300/500V theo tiêu chuẩn TCVN 6610-4 (Cadivi) | mét | 172 |
| 37 | Cáp CV-4mm² - cáp đồng 1 lõi, 1 lớp cách điện PVC, cấp điện áp 0.6/1kV theo tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1, vỏ màu sọc vàng xanh (Cadivi) | mét | 46 |
| 38 | Ống nhựa luồn dây điện PVC D25 2.9m/ống – tiêu chuẩn BS 6099 (SP) | ống | 36 |
| 39 | Ống mềm đàn hồi luồn dây điện PVC D25 (40m/cuộn) tiêu chuẩn IEC 60614 (SP) | mét | 24 |
| 40 | Đầu nối & khớp nối loại vặn răng dùng cho ống nhựa luồn dây điện PVC D25 – tiêu chuẩn BS04607 (SP) | cái | 16 |
| 41 | Khớp nối trơn dùng cho ống nhựa luồn dây điện PVC D25 – tiêu chuẩn BS04607 (SP) | cái | 70 |
| 42 | Kẹp treo ống vào ty loại K D25 (Cát Vạn Lợi) | cái | 30 |
| 43 | Kẹp đỡ ống dùng cho ống nhựa luồn dây điện PVC D25 – tiêu chuẩn BS04607 (SP) | cái | 16 |
| 44 | Ty ren mạ điện M10 loại 2m/cây, tiêu chuẩn JIS B 1051 (Cát Vạn Lợi) | mét | 12 |
| 45 | Đai ốc M10 + Vòng đệm M10 (Cát Vạn Lợi) | bộ | 12 |
| 46 | Tắc kê đạn M10, bằng thép mạ kẽm , tiêu chuẩn TCVN 1916:1995 (Cát Vạn Lợi) | cái | 12 |
| 47 | Mũi khoét sắt răng phức hợp D25, làm bằng thép HSS (JMG) | cái | 1 |
| 48 | Băng keo điện hạ thế (chống cháy lan, 0.13mm x 19mm x 18m) (3M Temflex Plus) | cuộn | 3 |
| 49 | Đầu cosse chĩa 4mm² có bọc nhựa (100 cái /bịch) | cái | 100 |
| 50 | Đầu cosse pin rỗng (đầu cosse through) 4mm² có bọc nhựa (100 cái /bịch) | cái | 100 |

**- Yêu cầu về kỹ thuật:**

✓ **Yêu cầu kỹ thuật chung:**

+ Hàng hóa đáp ứng thông số kỹ thuật theo yêu cầu, nếu chào loại tương đương thì phải là loại có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng tương đương và kèm tài liệu kỹ thuật chứng minh.
+ Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau.

+ Có chứng chỉ xuất xứ (CO) và chứng nhận chất lượng (CQ) đối với máy lạnh nhập khẩu.
+ Thời gian bảo hành: Bảo hành chính hãng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa.

✓ **Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:**

*a) Thiết bị máy điều hòa nhiệt độ.*

| STT | Tính năng thiết bị | Yêu cầu chi tiết |
|---|---|---|
| 1. | Công suất lạnh | ≥ 47.800 Btu/h |
| 2. | Chủng loại | Cassette âm trần 4 hướng thổi, loại inverter tiêu chuẩn |
| 3. | Điện áp | Dàn nóng 3 Pha, 380÷415V, 50Hz<br>Dàn lạnh 1 pha, 220÷240V, 50Hz |
| 4. | Cấp nguồn | Dàn nóng (outdoor) |
| 5. | Lưu lượng gió dàn lạnh (cao/trung bình/thấp) | ≥ 36/29/21 $m^3$/phút |
| 6. | Hệ số COP | ≥ 2,38 kW/kW |
| 7. | Hệ số CSPF | ≥ 4,1 kWh/kWh |
| 8. | Độ ồn dàn lạnh (H/M/L) | ≤ 46 / 40 / 33 dB(A) |
| 9. | Độ ồn dàn nóng | ≤ 56 dB(A) |
| 10. | Máy nén | Loại Swing dạng kín |
| 11. | Công suất điện máy nén | ≤ 2,4 (kW) |
| 12. | Chiều dài đường ống gas tối đa | ≥ 50m (chiều dài tương đương 70m) |
| 13. | Chênh lệch độ cao dàn nóng – dàn lạnh | ≥ 30m |
| 14. | Đường ống gas lỏng | 9.5 mm |
| 15. | Đường ống gas hơi | 15.9 mm |
| 16. | Môi chất lạnh | R32 |

*b) Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật của hệ thống ống dẫn môi chất lạnh.*

| STT | Tính năng thiết bị | Yêu cầu chi tiết |
|---|---|---|
| 1. | Vật liệu | Đồng |
| 2. | Độ dày:<br>+ Ống đường kính 9.5mm<br>+ Ống đường kính 15.9mm | <br>≥ 0.8 mm<br>≥ 1 mm |

*c) Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật của ống cách nhiệt.*

| STT | Tính năng thiết bị | Yêu cầu chi tiết |
|---|---|---|
| 1. | Độ dày cách nhiệt đường ống dẫn môi chất lạnh | 25mm |
| 2. | Tỷ trọng cách nhiệt | ≥ 25 kg/m3 |
| 3. | Độ dẫn nhiệt | ≤ 0.032 W/m.K ở $23^0$C |
| 4. | Vật liệu | Physically crosslinked close cell polyolefin foam, bề mặt cách nhiệt có lớp nhôm lưới tăng cứng. |

*d) Các vật tư phụ khác (ty treo, sắt U, sắt V ...): Đúng quy cách mã số, vật tư yêu cầu.*

*e) Các hệ điều khiển và vật tư điện nguồn: Đúng quy cách mã số, vật tư yêu cầu.*

- Số lượng bảng chào giá: 01 bản chính và 02 bản chụp.
- Thời gian, địa điểm giao hàng: 06 tuần kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng; giao tại kho Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Giá chào: Đề nghị chào giá trọn gói, đã bao gồm toàn bộ chi phí, thuế GTGT. Đồng tiền chào giá, thanh toán: VNĐ.
- Thanh toán: Đề nghị chào giá chi tiết phương thức thanh toán. Điều kiện tạm ứng không chấp nhận > 20% giá trị hợp đồng.
- Hiệu lực hồ sơ chào giá: 45 ngày kể từ ngày 15/09/2024.
- Hồ sơ chào giá phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị và đóng dấu.

**Thời hạn, địa điểm gửi hồ sơ chào giá:**

Thời hạn gửi hồ sơ chào giá: trước 10 giờ 00 ngày 15/09/2024.

- Phương thức gửi hồ sơ chào giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ nhận hồ sơ chào giá.
- Địa điểm nhận hồ sơ chào giá:
  + Địa chỉ: Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.119) - Văn phòng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

**Thông tin liên hệ:**

- Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
- Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.119)
- Tel: 083.8485.383 - Ext: 3403
- Người liên hệ: Ms Hải Vân.

**Yêu cầu đối với nhà cung cấp:**

- Có đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động hợp pháp.
- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

**Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư**

M.S.C.N: 0311638525-001 C.T.C.P
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT
-CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Q.TÂN BÌNH-T.P HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Cường

# BIỂU MẪU

**Mẫu số 01**

## ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____*[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*

Tên hạng mục mua sắm: _____ *[Ghi tên hạng mục mua sắm theo thông báo mời chào giá]*

Kính gửi: Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số ____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà cung cấp],* cam kết thực hiện hạng mục mua sắm ____ *[Ghi tên hạng mục mua sắm]* theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hạng mục mua sắm].*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong quá trình chào hàng.

4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong khi tham dự hạng mục này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện cung cấp hàng hóa theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm nộp hồ sơ chào giá].*

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 02a**

# BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

| STT | Nội dung | Giá chào |
|---|---|---|
| 1 | Hàng hoá | (M) |
| 2 | Dịch vụ liên quan | (I) |
| **Tổng cộng giá chào**<br>*(Kết chuyển sang đơn chào hàng)* | | **(M) + (I)** |

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 02b**

# BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **STT** | **Danh mục hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm** | **Đơn giá** | **Thành tiền** (Cột 4x6) |
| *1* | *Hàng hoá thứ 1* | | | | | *M1* |
| *2* | *Hàng hoá thứ 2* | | | | | *M2* |
| | .... | | | | | |
| *n* | *Hàng hoá thứ n* | | | | | *Mn* |
| **Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)** *(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)* | | | | | | **M=M1+M2 +…+Mn** |

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*